Trường THPT Quế Sơn
Tổ Toán-Tin

CẤU TRÚC BÀI KIỂM TRA MÔN TIN 11 GK1.
Năm học: 2023-2024

THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút
Câu hỏi trắc nghiệm: 15 câu (50%)
Câu hỏi tự luận: 5 câu (50%)

NỘI DUNG BÀI HỌC	Mức độ nhận thức							
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Bài 1. Hệ điều hành	2							
Bài 2. Thực hành sử dụng hệ điều hành	1		1					
Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet	2		1	1				
Bài 4. Bên trong máy tính	1			1				1
Bài 5. Kết nối máy tính với các thiếu bị số	2		1			1		
Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet	2					1		
Bài 7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet.	2							

Lưu ý:
- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ thông hiểu gồm cả câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng và câu hỏi tự luận
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 1/3điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

Trường THPT Quế Sơn **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GK1_23-24**

Tổ Toán -Tin **TIN 11**

(TIN HỌC ỨNG DỤNG - BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC)

I. TRẮC NGHIỆM (5Đ)

Bài 1. Hệ Điều Hành

Câu 1: Hệ điều hành là nơi?
A. Phần cứng khai thác hiệu quả của phần mềm
B. Phần mềm ứng dụng khai thác hiệu quả phần cứng
C. Giúp con người liên lạc với nhau
D. Các ứng dụng được sử dụng như một công cụ chèn
Câu 2: Cơ chế "plug & play" giúp hệ điều hành?
A. nhận biết thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách thụ động
B. Nhận biết thiết bị nội hàm và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
C. Xóa bỏ thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
D. Nhận biết thiết bị ngoại vi và hỗ trợ cài đặt các chương trình điều khiển một cách tự động
Câu 3: Hệ điều hành máy tính cá nhân phát triển cơ chế nào để tự động nhận biết thiết bị ngoại vi khi khởi động máy tính?
A. plug & play
B. plug & done
C. plug & win
D. win & done
Câu 4: Tiêu chí quan trọng nhất đối với máy tính cá nhân dành cho người dùng phổ thông là?
A. Đắt đỏ và khó tiếp cận
B. Chỉ sử lý được một phần của vấn đề
C. Phức tạp hóa vấn đề
D. Thân thiện và dễ sử dụng
Câu 5: Hai hệ điều hành phổ biến cho thiết bị di động?
A. MAC và JAVA
B. IOS và Android
C. CONTROL và BETA
D. Android và QC
Câu 6: Windows 7 ra đời vào năm?
A. 2010
B. 2009
C. 2007
D. 2012
Câu 7: Windows phiên bản 1 được phát hành vào năm?
A. 1985
B. 2000
C. 1990
D. 1979
Câu 8: LINUX được phát triển từ những năm?
A. 1977
B. 1969
C. 1989
D. 2009

Bài 2. Thực hành sử dụng hệ điều hành

Câu 1: Trên màn hình có các biểu tượng nào?

A. Tệp

B. Thư mục

C. Nút lệnh

D. **Tất cả đều đúng**

Câu 2: Em có thể sử dụng tiện ích của File Explorer của Window để?

A. Truy cập nhanh các phần mềm ứng dụng

B. **Quản lý tệp và thư mục**

C. Quan sát trạng thái hiển thị

D. Đáp án khác

Câu 3: Để làm xuất hiện bảng chọn các lệnh có thể thực hiện với tệp thì ta phải?

A. Nháy nút trái chuột

B. Nháy đúp chuột

C. **Nháy nút phải chuột**

D. Đáp án khác

Câu 4: Tiện ích là?

A. Một phần mềm đa năng

B. Một tệp chứ nhiều tệp con

C. **Những công cụ hỗ trợ nhiều công việc khác nhau**

D. Đáp án khác

Câu 5: Đĩa cứng là?

A. Là đĩa kim loại chứa phần mềm

B. **Loại đĩa kim loại phủ vật liệu từ tính**

C. Là đĩa kim loại chứa các tiện ích

D. Đáp án khác

Câu 6: Mỗi cung ghi bao nhiêu dữ liệu?

A. **512 byte**

B. 512 mega byte

C. 512 gigabyte

Câu 7: Thiết bị di đông cung cấp người dùng tiện ích nào dưới đây?

A. Quản lý danh bạ

B. Nhắn tin

C. Hẹn giờ

D. **Cả ba đáp án trên đều đúng**

Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet

Câu 1: Phần mền thương mại là?

A. Phần mềm miễn phí
B. Phần mềm cung cấp toàn bọ chức năng của máy tính
C. Là phần mềm thống trị
D. Phần mềm sản xuất ra để bán

Câu 2: Phần mềm nguồn mở là?

A. Phần mềm cung cấp cả mã nguồn để người dùng có thể tự sửa đổi, cải tiến, phát triển
B. LÀ một phần mềm không được cung cấp mã nguồn mà sử dụng theo 1 chiều của mà sản xuất
C. Phần mềm bán lẻ nhất thế giới
D. Phần mềm có thể mở tất cả trương trình trên MacOS

Câu 3: Giấy phép được áp dụng rộng rãi nhất là?

A. GLU GPL
B. GNU GPN
C. GLU GPN
D. GNU GPL

Câu 4: Phần mềm thương mại có mấy loại?

A. 2
B. 3
C. 4
D. 5

Câu 5 "LÀ nguồn thu nhập chính của các tổ chức". Đây là vai trò của phần mềm nào?

A. Phần mềm nguồn mở
B. Phần mềm thương mại
C. Phần mềm chạy trên internet
D. Phần mềm bán dẫn

Câu 6: Phần mềm chạy trên internet là?

A. Phần mềm chỉ sử dụng cho các doanh nghiệp lớn
B. Phần mềm cần mua bản quyền để sử dụng
C. Phần mềm không cần có kết nối internet
D. Phần mềm sử dụng trực tiếp trên internet mà không cần cài đặt vào máy

Câu 7: Cách thước chuyển giao phần mềm cho người sử dụng theo chiều hướng?

A. Ngăn dần
B. Đóng dần
C. Bí mật dần
D. **Mở dần**

Câu 8: Đáp án nào dưới đây là phần mềm thương mại?

A. Inkscape
B. GIMP
C. **Microsoft Word**
D. Môi trường lập trình cho ngôn ngữ Python

Câu 9: Phần mềm thương mại thường được dùng để?

A. **Bán**
B. Trao đổi
C. Tạo ra các chương trình mới lạ
D. Miễn phí

Bài 4. Bên trong máy tính

Câu 1: CPU được cấu tạo từ hai bộ phận chính là?
A. Bộ số học và logic; Bộ điều khiển
B. Bộ điều khiển và bộ tính toán
C. Bộ điều khiển và bộ xóa
D. Bộ thư mục và bộ giải nén

Câu 2: RAM là gì?
A. Phần cứng xử lý thông tin và lưu trữ
B. Phần mềm xử lý hình ảnh
C. Bộ nhớ có thể ghi được, dùng để lưu dữ liệu tạm thời khi chạy các chương trình, và giữ được lâu dài
D. Bộ nhớ có thể ghi được, dùng để lưu dữ liệu tạm thời khi chạy các chương trình, nhưng không giữ được lâu dài

Câu 3: ROM là gì?
A. Bộ nhớ chỉ có thể đọc, có thể ghi hay xoá. ROM được dùng để lưu các dữ liệu hệ thống cố định và các chương trình kiểm tra hay khởi động máy tính.
B. Bộ nhớ chỉ có thể đọc, không thể ghi hay xoá. ROM được dùng để lưu các dữ liệu hệ thống cố định và các chương trình kiểm tra hay khởi động máy tính.
C. Phần để lưu thông tin thừa và rác
D. Phân xử lý thông tin rác và thông tin chưa hoàn chỉnh

Câu 4: Bộ nhớ ngoài bao gồm?
A. Hệ thống phần mềm
B. Các loại đĩa từ, đĩa thể rắn hay đĩa quang
C. Các thanh công cụ chỉnh sửa
D. Quản trị phần mềm

Câu 5: Bộ phận nào thực hiện tất cả các phép tính số học và logic trong máy tính?
A. Bộ điều khiển
B. Bộ nhớ trong
C. Bộ số học và logic
D. Bộ nhớ ROM

Câu 6: Bộ phận nào phối hợp đồng bộ các thiết bị của máy tính, đảm bảo máy tính thực hiện đúng chương trình?
A. Bộ điều khiển
B. Bộ số học và logic
C. Bộ điều khiển
D. Bộ nhớ ROM

Câu 7: Hệ nhị phân dùng chữ số nào dưới đây?
A. 0 và 1
B. 0 và 1,2
C. 1,2,3
D. 0 và 3,4

Bài 5. Kết nối máy tính với các thiết bị số

Câu 1: Đâu vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra?
A. Máy in

B. Máu quét ảnh
C. **USB**
D. Máy chiếu

Câu 2: Thiết bị ra phổ biến nhất là?
A. Máy in
B. Loa
C. **Màn hình**
D. Máy chiếu

Câu 3: Độ phân giải màn hình thể hiện bằng?
A. **Số điểm ảnh theo chiều ngang và chiều dọc của màn hình**
B. Độ dài đường chéo trên màn hình
C. Hình ảnh trên màn hình được tạo liên tục
D. Khoảng thời gian cần thiết để có thể đổi màu một điểm ảnh

Câu 4: Máy in kim dùng?
A. **Một hàng kim gõ vào băng mực để lại vết trên giấy**
B. Dùng tia laser để tạo ra sự thay đổi điện áp trên bề mặt của một trống tĩnh điện tương tự với hình cần in
C. Phun các hạt mực màu nước siêu nhỏ để tạo ảnh
D. In trên giấy cảm ứng nhiệt, vùng giấy bị nóng chuyển sang màu đen

Câu 5: Máy in laser dùng?
A. Một hàng kim gõ vào băng mực để lại vết trên giấy
B. **Dùng tia laser để tạo ra sự thay đổi điện áp trên bề mặt của một trống tĩnh điện tương tự với hình cần in**
C. Phun các hạt mực màu nước siêu nhỏ để tạo ảnh
D. In trên giấy cảm ứng nhiệt, vùng giấy bị nóng chuyển sang màu đen

Câu 6: Máy in phun dùng?
A. Một hàng kim gõ vào băng mực để lại vết trên giấy
B. Dùng tia laser để tạo ra sự thay đổi điện áp trên bề mặt của một trống tĩnh điện tương tự với hình cần in
C. **Phun các hạt mực màu nước siêu nhỏ để tạo ảnh**
D. In trên giấy cảm ứng nhiệt, vùng giấy bị nóng chuyển sang màu đen

Câu 7: Máy in nhiệt in như thế nào?
A. Một hàng kim gõ vào băng mực để lại vết trên giấy
B. Dùng tia laser để tạo ra sự thay đổi điện áp trên bề mặt của một trống tĩnh điện tương tự với hình cần in
C. Phun các hạt mực màu nước siêu nhỏ để tạo ảnh
D. **In trên giấy cảm ứng nhiệt, vùng giấy bị nóng chuyển sang màu đen**

Câu 8: Cổng kết nối nào dùng để truyền hình ảnh?
A. HDMI
B. **VGA**
C. USB
D. Mạng

Câu 9: Cổng kết nối nào có thể truyền đồng thời cả âm thanh và hình ảnh?
A. VGA
B. USB
C. Mạng
D. **HDMI**

Bài 6. Lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet

Câu 1: Đâu là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ thông tin trực tuyến của Google?

A. One Drive
B. iCloud
C. Dropbox
D. **Google Drive**

Câu 2: Internet giúp khắc phục giới hạn lưu trữ bằng ?

A. **Các dịch vụ chia sẻ tệp tin trực tuyến**
B. Phân phối bán lẻ bộ nhớ
C. Cho người dùng thuê bộ nhớ
D. Bắt người dùng mua phần mềm thứ 3

Câu 3: Các không gian lưu trữ trên internet có giới hạn dung lượng hay không?

A. Không, nó là vô hạn
B. Không kết luận được
C. Không, vì không gian thì không có dung lượng
D. **Có**

Câu 4: Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?

A. **Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác**
B. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
C. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
D. Thích vào thư mục của ai cũng được

Câu 5: Người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ và được cấp một không gian lưu trữ trực tuyến gọi là?

A. Nhà lưu trữ
B. Cầu kết nối
C. Bát online
D. Đĩa trực tuyến

Câu 6: Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?

A. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
B. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
C. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
D. Thích vào thư mục của ai cũng được

Câu 7: Chủ sở hữu quyết định quyền của người được chia sẻ với ba chế độ?

A. Xem, xóa, khôi phục
B. Xem, nhận xét, chỉnh sửa
C. Xem, mua, bán
D. Xem, tải về, lấy tài khoản

Câu 8: Quyền chỉnh sửa là?

A. Không đáp án nào đúng
B. Là quyền lấy được tài khoản lưu trữ
C. Là quyền chỉ cho xem
D. Quyền cao nhất cho phép thao tác với thư mục và tệp

Bài 7. Thực hành tìm kiếm thông tin trên Internet

Câu 1: Đâu là địa chỉ URL tìm kiếm?

A. tech12h.com
B. newocr.com
C. **Google.com**
D. Thanhnien.vn

Câu 2: Để thực hiện tìm kiếm bằng tiếng nói thì cần có?

A. Bàn phím
B. Con chuột
C. **Micro**
D. Loa

Câu 3: Khi tìm kiếm thông tin tuyển sinh của một trường đại học thì em nên yêu cầu tìm dưới dạng nào dưới đây?

A. **Tệp .pdf**
B. Hình ảnh
C. Bài báo
D. Tin tức

Câu 4: Khi muốn tìm kiếm ảnh về hoa hồng thì en nên chọn tìm kiếm thông tin dạng?

A. Bài viết
B. Tin tức
C. **Hình ảnh**
D. Video

Câu 5: Để tìm kiếm thông tin dưới dạng tệp tin pdf thì em cần?

A. Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.docx
B. Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.jpg
C. **Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.pdf**
D. **Nhập từ khóa tìm kiếm và bổ sung cụm từ filetype.pas**

Câu 6: Để thu hẹp phạm vi tìm kiếm thì?

A. **Đặt từ khóa cần tìm trong dấu nháy kép**
B. Đặt từ khóa trong dấu ngoặc đơn
C. Đặt từ khóa trong dấu ngoặc vuống
D. Rút gọn từ khóa

II. TỰ LUẬN (5Đ)

Câu 1: Phần mềm thương mại là gì? Cho 2 ví dụ về phần mềm thương mại

Câu 2: Khái niệm phần mềm chạy trên Internet. Cho ví dụ về phần mềm chạy trên Internet.

Câu 3: Kể tên các thiết bị bên trong máy tính. Thiết bị nào là thành phần quan trọng nhất của máy tính.

Câu 4: Thực hiện phép tính trên hệ nhị phân:

a) 11100 + 1010 b) 10100 + 111

Câu 5: Giá trị của số 111010 là bao nhiêu?

Câu 6: Thiết bị vào là gì? Kể tên 2 thiết bị vào.

Câu 7: Thiết bị ra là gì? Kể tên 2 thiết bị ra.

Câu 8: Nêu các tính năng của dịch vụ đám mây.